

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2025/HS-PT
Ngày 22 - 08 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 460/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Ngọc D.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Phạm Ngọc D, sinh ngày 17/9/1986 tại Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); nơi ở: I B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: thuyền trưởng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị T (T1) (đã chết); gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Kim Chanh Đ1 (đã ly hôn); 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án: không, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2024, đến ngày 23/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Phan Minh L và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 21/04/2024, tổ tuần tra, kiểm soát trên biển của Chi đội Kiểm ngư số 2 đã phát hiện 01 tàu cá tại vị trí tọa độ 06⁰22'N - 107⁰7'E, cách đường phân định thềm lục địa Việt Nam – Indonesia 4 hải lý về phía Indonesia, phía trước có dòng chữ BV-97057-TS. Nghi ngờ đây là tàu cá của ngư dân Việt Nam đánh bắt thủy sản trái phép nên lực lượng Kiểm ngư đã kêu gọi quay về vùng biển Việt Nam nhưng tàu cá này không chấp hành hiệu lệnh.

Qua theo dõi tín hiệu giám sát hành trình, vào khoảng 14h08' ngày 22/4/2024, Chi đội Kiểm ngư số 2 phát hiện tín hiệu thiết bị giám sát hành trình tàu cá BV-97057-TS đang hoạt động tại vị trí thuộc vùng biển Việt Nam. Tiến hành kiểm tra và phát hiện: Trên tàu BV-5705-TS đang giữ thiết bị giám sát hành trình của tàu BV-97057-TS, đồng thời kiểm tra và phát hiện trên tàu BV-97607-TS đang giữ thiết bị giám sát hành trình của tàu BV-97978-TS. Chi Đội Kiểm ngư số 2 phối hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh B lập hồ sơ vi phạm ban đầu (BL 392 -395), đồng thời yêu cầu chủ 02 tàu cá BV-97978-TS và BV-97057-TS kêu gọi thuyền trưởng đưa 02 tàu này về bờ để phối hợp giải quyết.

Quá trình điều tra, xác minh đã xác định được hành vi tháo, gửi và nhận giữ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá cụ thể như sau:

1. Đối với tàu BV-97978-TS và BV-97057-TS:

Hai tàu cá này do bà Nguyễn Thị T2 (sinh ngày: 15/02/1980, thường trú tại: 6 T, phường T, thành phố V; chỗ ở: C B, phường E, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đứng tên chủ sở hữu. Bà T2 quản lý về tài chính thu, chi của 02 con tàu này, còn các vấn đề khác thì do chồng là Nguyễn Văn L1 (sinh ngày: 10/06/1974; nơi thường trú: 6 T, phường T, thành phố V; chỗ ở: C B, phường E, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) quản lý. Vào đầu năm 2024, ông Nguyễn Văn L1 thuê Phạm Ngọc D làm Thuyền trưởng tàu "Cái" BV-97978-TS và quản lý mọi hoạt động đánh bắt thủy sản 02 tàu cá BV-97978-TS và BV-97057-TS. Sau đó, D tìm kiếm và thuê 23 thuyền viên làm việc trên 2 tàu, trong đó Lê Văn C (sinh ngày: 01/01/1975, HKTT: ấp S, xã P, thành phố K, tỉnh Kiên Giang) làm Thuyền trưởng tàu "Đục" BV-97057-TS.

Tàu cá BV-97978-TS có Giấy chứng đăng ký nhận tàu cá do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi Thủy sản tỉnh B cấp ngày 12/7/2016, Sổ đăng kiểm tàu cá số: 108/16BV/ĐKTC do Trung tâm đăng kiểm tàu cá của Bộ N cấp ngày 06/7/2016, Giấy chứng nhận ATKT tàu cá số: 203/ĐKTCDD do Trung tâm đăng kiểm tàu cá Đại Dương cấp ngày 27/01/2024.

Tàu cá BV-97057-TS có Giấy chứng đăng ký nhận tàu cá do Chi cục Thủy sản tỉnh B cấp ngày 05/12/2016, Sổ đăng kiểm tàu cá số: 250/2012/ĐKTC do Trung tâm đăng kiểm tàu cá của Bộ N cấp ngày 08/6/2012, Giấy chứng nhận ATKT tàu cá số: 3446/ĐKTC do Công ty TNHH đăng kiểm tàu cá Biển Đông cấp ngày 21/02/2024.

Ngày 24/02/2024, 02 tàu xuất bến tại Cảng B, phường E, thành phố V; khi xuất bến 02 tàu cá đều được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Tuy nhiên, do D và C không có bằng Thuyền trưởng nên ông Nguyễn Văn L1 đã điều khiển tàu BV-97978-TS và nhờ Trần Thành Đ2 (*sinh ngày 26/05/1992; Nơi thường trú: 297 tổ I, ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: G B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*) điều khiển tàu cá BV-97057-TS để làm thủ tục xuất bến và qua trạm kiểm soát của lực lượng Biên phòng. Khi ra đến điểm Sao Mai thì ông L1 và Đ2 đi dò quay lại bờ và giao quyền quản lý, chỉ đạo 02 tàu cá lại cho Phạm Ngọc D để đưa 02 tàu ra biển đánh bắt hải sản.

2. Đối với tàu BV-5705-TS và BV-97607-TS:

Tàu cá BV-5705-TS do bà Hà Thị T3 (sinh năm 1952) đứng tên chủ sở hữu, còn tàu BV-97607-TS Phạm Gia T4 (con riêng bà T3) đứng tên chủ sở hữu, nhưng cả 02 đã ký hợp đồng uỷ quyền sở hữu cho ông Nguyễn Lưu L2 (sinh ngày 06/07/1955, Nơi thường trú: I B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) trực tiếp quản lý, sử dụng.

Tàu cá BV-5705-TS có Giấy chứng đăng ký do Chi cục Thủy sản tỉnh B cấp ngày 18/01/2018; Sổ đăng kiểm tàu cá số: 87/11/ĐKTC do Trung tâm đăng kiểm tàu cá của Bộ N cấp ngày 27/01/2011; Giấy chứng nhận ATKT tàu cá số: 014/ĐKTCĐD do Trung tâm đăng kiểm tàu cá Đại Dương cấp ngày 04/01/2024.

Tàu cá BV-97607-TS có Giấy chứng đăng ký do Chi cục Thủy sản tỉnh B cấp ngày 09/02/2017; Sổ đăng kiểm tàu cá số: 63/14/ĐKTC do Trung tâm đăng kiểm tàu cá của Bộ N cấp ngày 22/01/2014; Giấy chứng nhận ATKT tàu cá số: 014/ĐKTCĐD do Trung tâm đăng kiểm tàu cá Đại Dương cấp ngày 04/01/2024.

Quá trình điều hành hoạt động, Nguyễn Lưu L2 đã thuê Phan Minh L làm Thuyền trưởng tàu cá BV-97607-TS và giao cho L làm Tài công, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động của 02 tàu. Sau đó, Phan Minh L đã thuê 18 thuyền viên làm việc trên 2 tàu cá, trong đó giao cho em trai là Phan Minh S (sinh ngày 18/12/1980; nơi thường trú: H T, phường T, thành phố V) làm Thuyền trưởng tàu cá BV-5705-TS. Ngày 22/02/2024, Phan Minh L cho 2 tàu cá BV-97607-TS và BV-5705-TS xuất bến tại Cảng B, phường E, thành phố V. Khi xuất bến có 19 thuyền viên, sau đó có 2 thuyền viên về bờ trước nên còn 17 thuyền viên.

3. Diễn biến hành vi tháo, gửi thiết bị giám sát hành trình:

Do đánh bắt không hiệu quả nên D nảy sinh ý định gửi 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu mình đang quản lý sang tàu khác để đi vào đánh bắt hải sản ở vùng L, là vùng cấm đánh bắt hải sản. D đã liên lạc bằng bộ đàm với Phan Minh

L là Thuyền trưởng, quản lý tàu cá BV-97607-TS và tàu BV-5705-TS xin gửi “máy”. L biết rõ gửi “máy” là thiết bị giám sát hành trình nhưng vẫn đồng ý nhận giữ nhưng không lấy tiền công và dặn thuyền viên nếu ai gửi đồ thì nhận.

Sau khi liên lạc với L, D đã trực tiếp tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu BV-97978-TS và nhờ thuyền viên (không nhớ rõ là ai) tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá BV-97057-TS của C. D đã bỏ hai thiết bị vào nhiều lớp bao nylon và buộc chặt. Đến khoảng 21h ngày 27/02/2024, L thông báo cho D biết toạ độ, D đã điều khiển tàu chạy song song với tàu của L thì được thuyền viên bên tàu của L ném dây sang rồi buộc đầu dây còn lại vào túi nylon có đựng 02 thiết bị giám sát hành trình thả xuống biển để cho thuyền viên trên tàu của L kéo lên. Sau đó, D chỉ đạo C điều khiển tàu vào vùng Lộng đánh bắt hải sản.

Đối với L, sau khi nhận được 02 thiết bị giám sát hành trình và đã được D thông báo là thiết bị này chạy bằng năng lượng mặt trời nên đã chỉ đạo thuyền viên đặt 01 thiết bị giám sát hành trình lên trần cabin của tàu cá BV-97607-TS còn 01 thiết bị giám sát hành trình Lý chỉ đạo đưa sang tàu cá BV-5705-TS do Phan Minh S làm thuyền trưởng và chỉ đạo S đặt lên trần của cabin.

Khi D đánh bắt cá ở vùng Lộng thấy ít hải sản nên ngày 21/4/2024 D chỉ đạo C cùng D đưa tàu đến vùng biên giới với I để đánh bắt hải sản. Thấy trên tàu có sẵn 10 biển số tàu, D chỉ đạo thuyền viên treo 05 biển trên tàu của D, mỗi bên 02 biển, phía sau 01 biển. 05 biển số còn lại đưa sang tàu của C và chỉ đạo C cho thuyền viên treo các biển số tàu lên, mỗi bên 02 biển và phía sau 01 biển để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Đến khoảng 14h cùng ngày, khi đang đánh bắt hải sản, bị lực lượng Kiểm ngư phát hiện thì D chỉ đạo cất lưới đang đánh bắt hải sản, điều khiển tàu bỏ chạy. Do thấy lực lượng Kiểm ngư truy đuổi tàu của C nên D chỉ đạo C cho thuyền viên bơi nhót vào biển số tàu cá BV-97057-TS để tránh bị chụp hình xử phạt và tháo các biển kiểm soát giả vứt xuống biển.

4. Kết quả giám định; Khám nghiệm hiện trường; việc thu giữ và xử lý vật chứng:

4.1. Kết quả giám định:

Bản Kết luận giám định số 5512/KL-KTHS ngày 14/10/2024 của P Bộ C1 xác định: Hiện tại các thiết bị gửi giám định hoạt động bình thường, không bị hư hỏng. Căn cứ vào tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cung cấp, xác định toạ độ tàu đã đi, thời gian hoạt động, tê liệt, gián đoạn của các thiết bị gửi giám định (có phụ lục kèm theo).

4.2. Kết quả xác minh tại các đơn vị quản lý có liên quan

- Ngày 06/8/2024 Chi cục Thủy sản tỉnh B có văn bản số 829/CCTS-KN xác định “Tàu cá BV-97978-TS có dấu hiệu trùng lịch sử hành trình với tàu cá BV-97607-TS vào khoảng thời gian sau 21h ngày 27/02/2024 đến 20h ngày 13/4/2024”; “Tàu cá BV-97057-TS có dấu hiệu trùng lịch sử hành trình với tàu cá BV-5705-TS vào khoảng thời gian sau 21h ngày 27/02/2024 đến 04h ngày 09/4/2024” (BL 351).

- Đối với khoảng thời gian từ 09/4/2024 và 13/4/2024 đến ngày 21/4/2024, do mạng quản lý của 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá BV-97607-TS và BV-5705-TS bị lỗi nên Chi cục Thủy sản không xác định được khoảng thời gian này có trùng lịch sử hành trình hay không (BL 367). Quá trình điều tra, Phan Minh L xác nhận từ lúc nhận thiết bị giám sát hành trình từ D cho đến khi bị phát hiện, L luôn cất giấu trên 02 tàu do mình quản lý, không giao lại cho ai khác hoặc tàu khác (BL 187-188). Do đó, có căn cứ xác định từ ngày 27/02/2024 đến ngày 21/4/2024, 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu BV-97978-TS và BV-97057-TS luôn được lưu giữ trên 02 tàu BV-5705-TS và BV-97607-TS.

- Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh B và UBND thành phố V xác nhận đến thời điểm phát hiện, chưa xử lý hành vi vi phạm nào đối với các tàu cá nêu trên.

4.3. Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Ngày 04/9/2024 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã phối hợp Phòng K công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tiến hành khám nghiệm hiện trường 04 tàu cá liên quan là BV-97978-TS, BV-97057-TS, BV-97607-TS và BV-5705-TS. Trên tàu cá BV-97978-TS, BV-97057-TS ghi nhận không có thiết bị giám sát hành trình, đã chụp hình các vị trí đặt thiết bị giám sát hành trình của 02 tàu cá BV-97978-TS, BV-97057-TS nhưng đã bị tháo gỡ, ghi nhận chụp hình vị trí gắn các biển số giả của 02 tàu cá này. Ghi nhận chụp hình các vị trí đặt thiết bị giám sát hành trình là trần cabin của 02 tàu cá BV-97607-TS và BV-5705-TS, vị trí cất giấu 02 thiết bị giám sát hành trình khi lực lượng chức năng kiểm tra.

4.3. Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) thiết bị giám sát hành trình tàu cá nhãn hiệu Viettel màu trắng đục, trên thân thiết bị có mã vạch và có ghi S/N: MTR022109D001087, Model: MTR-V01-VNM, Hotline: 18008000 (line 1) của tàu cá BV-97978-TS được thu giữ trên tàu BV-97607-TS do Phan Minh L làm thuyền trưởng.

- 01 (một) thiết bị giám sát hành trình tàu cá nhãn hiệu Zunibal màu nâu đỏ, trên thân thiết bị có mã vạch và dãy số: BTK006959 của tàu cá BV-97057-TS được thu giữ trên tàu BV-5705-TS do Phan Minh S làm thuyền trưởng.

Các vật chứng trên đã được Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để quản lý theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”;

Áp dụng điểm đ Khoản 3 Điều 287; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Phạm Ngọc D 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án

nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/10/2024 đến ngày 23/01/2025;

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Minh L; phần quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, bị cáo Phạm Ngọc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: bị cáo đang bị bệnh tràn dịch màng phổi; đã ly hôn vợ (sau khi ly hôn bị cáo không biết vợ ở đâu), hiện nay bị cáo phải một mình nuôi 03 con gái nhỏ và cha già. Hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo và là lao động chính trong gia đình, ân hận về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Phạm Ngọc D giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, không kêu oan, không yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ lại hành vi phạm tội. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các lý do xin giảm nhẹ hình phạt đã nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, đồng thời đề nghị được chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, chăm lo cho gia đình và trở thành người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Phạm Ngọc D phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”, theo điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng, bị cáo D xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, kết quả giám định, kết quả xác minh, kết quả khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Phạm Ngọc D làm Thuyền trưởng tàu và được giao quản lý mọi hoạt động đánh bắt thủy sản đối với 02 tàu cá BV-97978-TS và BV-97057-TS. Do việc đánh bắt không hiệu quả nên D nảy sinh ý định gửi thiết bị giám sát hành trình của 02 tàu mình đang quản lý sang tàu khác để đi vào đánh bắt hải sản ở vùng cấm, tránh sự giám sát, phát hiện của cơ quan chức năng. D đã liên lạc bằng bộ đàm với Phan Minh L là Thuyền trưởng, quản lý tàu cá BV-97607-TS và tàu BV-5705-TS để xin gửi thiết bị giám sát hành trình và được L đồng ý. Sau đó, D đã trực tiếp tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu BV-97978-TS và chỉ đạo thuyền viên tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá BV-97057-TS để giao cho L cất dấu trên tàu cá BV-97607-TS và BV-5705-TS.

Hành vi nêu trên của Phạm Ngọc D và Phan Minh L đã làm cho việc truyền tải thông tin của thiết bị giám sát hành trình (là phương tiện điện tử) về Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá không đúng với thực tế vị trí tàu cá đang hoạt động, gây cản trở, gây rối loạn hoạt động của các phương tiện điện tử dẫn đến cơ quan có thẩm quyền không quản lý được hoạt động khai thác thủy sản của tàu BV-97978-TS và BV-97057-TS trong khoảng thời gian từ 21h ngày 27/02/2024 đến 14h08' ngày 22/04/2024, tương đương 1.337 giờ 08 phút.

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép thủy sản thì có cơ sở xác định hành vi của Phạm Ngọc D và Phan Minh L đủ yếu tố cấu thành tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”. Căn cứ vào tổng thời gian bị gây rối loạn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố 2 bị cáo Phạm Ngọc D và Phan Minh L phạm tội “Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo D, L là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức kiểm soát tàu thuyền, làm

ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, góp phần làm gia tăng các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về phân hóa vai trò thì Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Phạm Ngọc D là người nảy sinh ý định gửi thiết bị, mặc dù nhận thức được hành vi tháo gỡ các thiết bị giám sát hành trình trên các tàu cá do mình trực tiếp quản lý, điều khiển rồi gửi sang tàu cá của Phan Minh L là hành vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm mục đích tránh sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền để đưa tàu đi khai thác thủy sản trái phép trên vùng biển cấm. Bị cáo L biết rõ việc nhận giữ thiết bị giám sát hành trình của bị cáo D là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý thực hiện nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

[4] Xét, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, L được áp dụng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phạm Ngọc D đã ly hôn vợ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ cận nghèo, bản thân bị cáo bị bệnh tràn khí màng phổi, phải nuôi bố già bệnh tật và 03 con nhỏ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các tình tiết vừa nêu Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo hưởng là đầy đủ.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo D không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, trong khi mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hình vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Minh L; Về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “*Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử*”.

- Áp dụng điểm đ Khoản 3 Điều 287; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo Phạm Ngọc D 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/10/2024 đến ngày 23/01/2025.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc D phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Minh L; Về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- BCTN (1);
- Lưu (6). HS (2) 20b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu